

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **37/2023/DS-ST**

Ngày **06-11-2023**

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Khoe**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-DS ngày 23/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Huệ T** - sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện V , thành phố Cần Thơ.

* Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà **Lê Nguyễn Thị Trúc X** , sinh năm 1989. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2023 (có mặt). Địa chỉ: số nhà 355A, khóm B , thị trấn L , huyện L , tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu N** - sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Huỳnh Công T** - sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Lê Nguyễn Thị Trúc X trình bày:**

Bà Huỳnh Thị Huệ T với ông Huỳnh Công T là bà con, ba của bà Huỳnh Thị Huệ T là em ruột ba ông Huỳnh Công T. Vào ngày 18/02/2023 bà T cho vợ chồng

ông Huỳnh Công T, bà Nguyễn Thị Thu N vay 03 (ba) cây vàng 24k (9999) và 30.000.000đồng; số tiền 30.000.000 đồng bà T cho bà N, ông T mượn tiền để bà N, ông T đóng lãi cho người ta, hai bên có làm biên nhận, biên nhận do bà T viết chữ, có chữ ký tên của bà N, trong biên nhận không có nói lãi, nhưng thỏa thuận miệng là 1%/tháng.

Từ khi vay cho đến nay bà N và ông T đã đóng lãi cho bà T được 18.000.000 đồng, số tiền 18.000.000 đồng là để bà T đi đóng lãi dùm cho bà N, ông T.

Tại phiên tòa bà Lê Nguyễn Thị Trúc X yêu cầu: yêu cầu vợ chồng bà N và ông T phải trả cho bà Huỳnh Thị Huệ T 03 (ba) cây vàng 24k không yêu cầu tính lãi, còn số tiền 30.000.000đồng khi làm đơn khởi kiện bà T không đề cập đến nên bà T không yêu cầu giải quyết, bà T sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Đối với số tiền lãi các bên đã đóng trước đây không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì số tiền lãi là bà T đi đóng lãi thay cho bà N, ông T.

*** Tại bản tự khai ngày 17/10/2023 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:** Bà N xác nhận ngày 18/02/2023 bà N có vay của bà T 03 cây vàng 24k và 30.000.000đồng; bà N đã đóng lãi cho bà T được 3 tháng với số tiền 18.000.000đồng, số tiền 18.000.000 đồng bà N đưa bà T để bà T đi đóng lãi dùm bà N; nhưng do làm ăn thất bại, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà N chưa trả cho bà T được, bà N yêu cầu khi bà N bán được nhà sẽ trả cho bà T 1 lần 03 cây vàng 24k; còn số tiền 30.000.000đồng khi nào có bà N sẽ trả tiếp cho bà T, còn phần lãi bà N đã đóng cho bà T được 18.000.000 đồng thì bà N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 17/10/2023 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T trình bày:** Ba của ông T là anh ruột của bà T (ông T với bà T là bà con chú bác ruột). Vợ ông T là bà Nguyễn Thị Thu N, ông T xác nhận ngày 18/02/2023 bà N có vay của bà T 03 cây vàng 24k và 30.000.000đồng, nhưng do làm ăn thất bại, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng ông T chưa trả cho bà T được, ông T yêu cầu khi vợ chồng ông T bán được nhà sẽ trả cho bà T 1 lần 03 cây vàng 24k; còn số tiền 30.000.000đồng khi nào có vợ chồng ông T sẽ trả tiếp cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn Nguyễn Thị Thu N có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy nguyên đơn bà Huỳnh Thị Huệ T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu N và ông Huỳnh Công T phải thanh toán số vàng còn thiếu là 03 (ba) cây vàng 24K (9999), đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Huệ T yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T phải trả 03 lượng vàng 24K (9999) là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công T thừa nhận còn nợ bà Huỳnh Thị Huệ T 03 cây vàng 24K và số tiền là 30.000.000đồng, đây là tình tiết, sự kiện có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vợ chồng bà N, ông T đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N, ông T thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn là 03 (ba) cây vàng 24K (9999).

Đối với yêu cầu của bà N và ông T về việc khi nào bà N, ông T bán được nhà sẽ trả cho bà T 1 lần 03 cây vàng 24k; còn số tiền 30.000.000đồng khi nào có bà N, ông T sẽ trả tiếp cho bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trả dần của bà N, ông T nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Tại phiên tòa bà Lê Nguyễn Thị Trúc X đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Huệ T không yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà N, ông T phải trả số tiền 30.000.000đồng do yêu cầu này không có trong đơn khởi kiện, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nếu bà T có yêu cầu, sẽ khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu N , ông Huỳnh Công T phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà Trân được tính như sau: $5.800.000đ/1 \text{ chỉ} \times 30 \text{ chỉ} = 174.000.000 \text{ đồng}$; được tính như sau: $174.000.000đ \times 5\% = 8.700.000đ$

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Huệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.654.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000504 ngày 06/10/2023 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang, do yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Huệ T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu N ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Công T.

2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu N và ông Huỳnh Công T phải trả cho bà Huỳnh Thị Huệ T 03 (ba) cây vàng 24K (9999).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu N và ông Huỳnh Công T phải nộp 8.700.000đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng)
- Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Huệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.654.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000504 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến